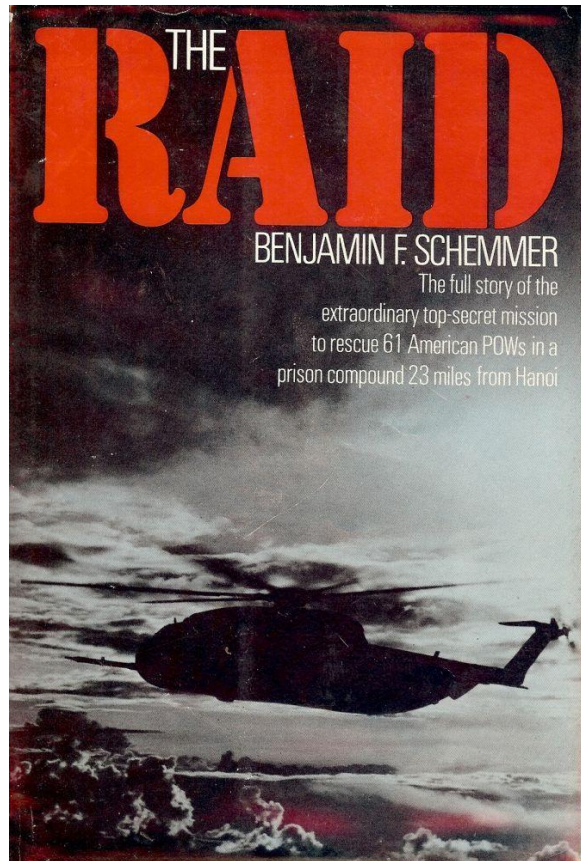


Vụ tập kích Sơn Tây Phần 3

Nguyên bản tiếng Anh: The Raid

Nhà xuất bản: Harper - Row Publishers Tác giả: Benjamin F.Schemmer

Người dịch: Lê Trọng Bình - Lâm Hải Hồ



P3

Blackburn và Mayer khi họp với Allen và những thành viên của ông ta, đã chỉ rõ cho dù SACSAs nếu có được một điệp viên, thì việc xâm nhập nào cũng khó thực hiện và việc tính toán thời gian cũng chưa có gì bảo đảm. Theo cách đó thì khi máy bay chở họ vào không gây sự chú ý gì quá đáng, nhưng lúc bấy giờ thì lại không có cuộc ném bom trên Bắc Việt vào thời gian tháng 5- 1970, không có máy bay bị bắn rơi để dùng làm bình phong. Lẽ tất nhiên họ không thể nói ra rằng, việc tuyển mộ những toán gián điệp, biệt kích đã khó khăn hơn sau khi Johnson đã để cho chín toán 45 người bay theo chiều gió. Và lại Blackburn và Mayer không chắc rằng sáu tù binh có thể đến được núi Ba Vì. Họ bắt đầu nghi ngờ những mưu toan giải thoát tù binh. Họ không tin tưởng, thực ra họ cũng biết đã có sáu lần âm mưu như vậy. Tất cả đều thất bại. Một vài tù binh lúc chạy trốn đã bị bắn chết và những người khác đã bị bắt.

Ở một vài trường hợp khác, Mayer đã phải vất vả khổ sở để tìm cách thông báo bằng tín hiệu về những kế hoạch mà tù binh định trốn thoát là không thực hiện được. Như tù binh sẽ vượt ngục trong hai tháng qua trên một chiếc thuyền hoặc kết thành một cái bè, cái mảng thả trôi theo dòng sông Hồng về ban đêm đến cảng Hải Phòng rồi sẽ tìm cách ra biển. Mayer đã tìm mọi cách lồng ám hiệu vào các thư từ gửi cho các tù binh Mỹ để báo cho họ biết: “đừng làm thế sông Hồng đã được rải mìn”.

Cuối cùng Blackburn và Mayer đã đồng ý với Allen là phải có kế hoạch cụ thể giải thoát tù binh bằng một cuộc tập kích. Điều này Blackburn có thể thực hiện được, nhưng với chức vụ thiếu tướng ông ta không đủ thẩm quyền quyết định, mà phải xin gặp tướng bốn sao Earle G. Wheeler, chủ tịch tham mưu trưởng. Với chức vụ phụ trách cơ quan SACSA, Blackburn có thể đến xin gặp Wheeler bất cứ lúc nào khi có tình hình khẩn cấp hoặc sôi động. Đó là quyền ưu tiên để Blackburn sử dụng. Ngày 25-5-1970 Blackburn đã đến gặp viên đại tá canh gác phòng riêng của vị chủ tịch để xin gặp tướng Wheeler trình bày một việc khẩn cấp. Sau mấy phút đồng hồ, cả hai được phép vào buồng riêng.

Blackburn và Mayer đã trình bày tin tức tình báo mới về tù binh mà nhóm 1127 ở căn cứ Fort Belvoir thu lượm được. Họ đã yêu cầu không quân thả một nhóm điệp viên vào núi Ba Vì, Bắc Việt, để làm nhiệm vụ giải thoát sáu tù binh Mỹ ở đấy. Họ cũng đã đề nghị phải được nghiên cứu kỹ, nếu như làm vội vã sẽ hỏng việc, sẽ làm tiêu tan những hy vọng cứu thoát tiếp các tù binh.

Blackburn và Mayer cũng đề nghị một giải pháp khác to lớn hơn, là tập kích vào trại Sơn Tây và các trại gần đấy để giải thoát tất cả tù binh ở đấy. Nghe xong Wheeler nghiêm nghị rồi thốt lên: “Lạy chúa! Phải bao nhiêu tiểu đoàn mới làm được việc đó”. Đó cũng là phản ứng tự nhiên của Wheeler. Vậy là ngày 25-5-1970, ngày mà gần vụ xâm nhập Campuchia của Tổng thống Nixon đang bị tai tiếng trên thế giới, giờ lại một vụ xâm nhập Bắc Việt nữa. Cuộc chiến đang ở thời điểm rất nguy kịch, số người Mỹ chết trong chiến tranh Việt Nam vẫn ở con số 500 mỗi tháng. Đặc biệt trong tháng 5-1970 lại tệ hại hơn: có tới 754 lính Mỹ bị chết. 166 người chết chưa rõ nguyên nhân, số quân dự trữ chiến lược của Mỹ xuống thấp nhất ở những tiểu đoàn nghênh chiến kể từ chiến tranh thế giới thứ hai đến nay.

Câu hỏi của Wheeler không làm cho Blackburn băn khoăn, và Wheeler là một trong những người ủng hộ SACSA mạnh nhất. Một cuộc tổng kết kinh nghiệm đã được tính toán, sau khi rời khỏi chức vụ này cho thấy, gần ba phần tư của tất cả sự việc mà Wheeler gửi gắm để giới thiệu với Bộ trưởng Quốc phòng chấp thuận là những hoạt động “đặc biệt” do SACSA đưa ra. Trong thời kỳ McNamara làm Bộ trưởng Quốc phòng, đã không đáp ứng được 25% đề nghị đó.

Blackburn đã nói với Wheeler rằng, ông ta không cần phải có những tiểu đoàn, mà chỉ cần một nhóm nhỏ của lực lượng tình nguyện đặc biệt. Wheeler bảo Blackburn: “Hãy suy nghĩ kỹ về việc đó và sớm trở lại để

bàn bạc thêm”. Wheeler là chủ tịch tham mưu trưởng hỗn hợp từ giữa năm 1964 trước khi xảy ra vụ vịnh Bắc Bộ, sức khỏe của Wheeler ngày càng hao sút vì lo lắng quá nhiều cho cuộc chiến tranh. Chỉ còn vài tuần lễ nữa là về hưu nên ông ta mong muốn Blackburn thuyết trình lại với người kế vị ông là đô đốc Thomas Moorer trước khi chuẩn bị kế hoạch lớn.

Được Wheeler bật đèn xanh, Blackburn và Mayer đã lao vào hành động. Việc đầu tiên là họ cần có thêm nhiều tin tức tình báo về các trại tù binh ở Bắc Việt nên họ đã trao đổi với cơ quan DIA để nhanh chóng phác họa ra một kế hoạch.

Ngày hôm sau 26-5-1970 Blackburn và Mayer được biết cơ quan DIA đã xử lý các tin tức được thuyết trình. Đây là vấn đề rất quan trọng mà không thể chỉ căn cứ vào tình báo của một cơ quan hay một cục nào, ngay cả DIA cũng có vài nguồn tình báo duy nhất mà nhóm 1127 hoặc tổ chức của Allen không có.

Ngày 27-5-1970 Blackburn lại đến gặp trung tướng John W. Vogt, giám đốc các thủ trưởng hỗn hợp tác chiến của không quân, ký hiệu I3. Blackburn nói cho John W. Vogt biết là ông ta có một yêu cầu cần phải nghiên cứu kỹ để thực hiện việc giải thoát tù binh để báo cáo lên vị chủ tịch.

Vogt thốt lên: “Lạy chúa tôi! Có bao giờ anh nói cho chính phủ của anh biết về sự việc xảy ra chưa?” Trước câu nói của Vogt, Blackburn thầm nghĩ: ông không phải là hạng sĩ quan mà mỗi chút lại phải báo cáo lên cấp trên, khi mà cấp trên chưa cần đến. Blackburn thích thú nhất những tin vụn vặt ấy một mình để rồi tổng hợp nhằm đưa ra được một việc gì lớn hơn, Blackburn thường tự làm lấy một mình mà không thích người khác nhúng tay vào. Việc đó xảy ra bình thường, vì Blackburn quyết giữ cho việc làm của mình càng ít người biết càng tốt, vì càng nhiều người biết càng nguy hiểm hơn. Điều này rất quan trọng, càng nhiều người nhúng tay vào hoạt động đặc biệt của ông ta thì càng phải phối hợp hành động với nhiều sĩ quan hơn. Mỗi một vị, chỉ có thể làm một phần việc để nhận định và dự đoán thêm có khi lại còn phản đối lại nữa. Thực ra chỉ có một ít sĩ quan cấp cao ở Bộ tham mưu hỗn hợp mới hiểu được loại tác chiến đặc biệt này mà số người nhiệt tình lại càng hiếm.

Sau tiếng thốt lên của Vogt, một sĩ quan vạm vỡ kiểu người Kozak hỏi Blackburn rằng: bao giờ thì ông giới thiệu công tác với Wheeler? Blackburn vội vã trả lời: “Tôi có thể trở lại gặp Vogt vào thứ hai, ngày 1-6-1970. Đó là ngày kỷ niệm chiến sỹ trận vong”.

Blackburn và Mayer bị quay cuồng với thời hạn quy định. Đối với một sĩ quan hoạt động thông thường, xây dựng một kế hoạch để thông qua Bộ tham mưu hỗn hợp thì cũng giống như bơi trong biển cả. Nhưng dù sao thì SACSA có giấy phép đặc biệt duy nhất để làm việc đó không bị cản trở của bộ máy chính quyền quan liêu, nên Blackburn thoải mái hành động cho một cuộc tập kích để giải thoát tù binh ở giữa lòng đất đối phương.

Blackburn thuộc loại sỹ quan hiếm có, ông ta sinh trưởng và học hành tại Florida, được gửi sang Philippines với chức vụ hạ sỹ quan vào năm 1940. Khi Nhật tấn công Pearl Harbour (Trần Châu Cảng), ông ta phục vụ như là một cố vấn cho tiểu toàn bộ binh Philippines ở miền bắc Luzon.

Tháng 5-1942 khi Corregidor thất thủ, quân Nhật tràn vào Luzon, Blackburn và nhóm sỹ quan của ông đã không chịu đầu hàng mà trái lại họ đã trốn vào rừng. Blackburn đã bỏ thời gian, giúp tổ chức hai vạn du kích Philippines và chỉ huy một trong năm trung đoàn đó. Khi quân Mỹ tràn vào bắc Luzon, lúc đó chỉ còn 285.000 quân Nhật giữ đảo. Blackburn và lính của ông ta đã chiến đấu phía sau. Ngày 5-7-1945 thì Philippines giành được độc lập. Chiến tích của Blackburn dẫn quân du kích chiếm lấy thị trấn Acpari, sau khi lội qua một con sông chỉ gặp một sự kháng cự nhỏ. Cho đến lúc rạng đông, quân của ông ta đã chiếm xong mục tiêu. Sau đó mới có một tiểu đoàn không quân Hoa Kỳ đến chiếm Acpari. Blackburn trở về Hoa Kỳ với chức vụ đại tá lúc 29 tuổi. Thật là quá trẻ và chưa có kinh nghiệm, chưa thể chỉ huy được, nên ông ta được gửi đi học 6 tháng với các cựu chiến binh về quân sự. Sau khi phục vụ một năm như là một đội trưởng hiến binh của quân đội ở Washington, ông ta lại được gửi vào trường bộ binh. Sau hai năm bám sát Lầu Năm Góc tập luyện nhảy dù, Blackburn trở thành sỹ quan có uy tín trong quân đội.

Năm 1950 Blackburn được cử đi dạy tâm lý chiến và làm thủ lĩnh học viện quân sự West Point, sau đó lại được cử sang Philippines, đến năm 1957 được cử sang Việt Nam làm cố vấn cao cấp cho một vị tướng của Nam Việt Nam chỉ huy vùng châu thổ sông Cửu Long. Sau một thời gian ông ta được giao nhiệm vụ chỉ huy nhóm lực lượng 77 tại căn cứ Fort Bragg ở Bắc Carolina.

Đầu năm 1960, tổng thống Kennedy quyết định gửi một nhóm quân sự đến Lào. Blackburn được giao nhiệm vụ tổ chức. Người mà ông ta chọn để cầm đầu những toán mệnh danh là “Ngôi sao bạc” là một trung tá trẻ thuộc biệt động quân trong chiến tranh thế giới thứ hai là Simons. Chính vì vậy sau này Blackburn đã đề nghị chọn Simons chỉ huy cuộc tập kích trại tù Sơn Tây. Vào năm 1965 khi chiến tranh ở Việt Nam trở thành cuộc chiến dữ dội, Blackburn được gọi về Lầu Năm Góc đảm nhiệm những hoạt động mật, vì thế ông ta lại trở lại Việt Nam chỉ huy những đơn vị bí mật nhất, mà ít người ở Đông Nam Á được biết tới, đó là SOG, và cũng là tổ chức OSS hoạt động mật ở Đông Nam Á. (SOG là nhóm nghiên cứu và quan sát, còn OSS là cơ quan tình báo chiến lược). Đội quân này đầu họ đội mũ nồi xanh, có gắn phù hiệu hình sọ người và ngọn lửa đen đang cháy. SOG đã tham gia những cuộc hành quân nảy lửa, nên khó mà tin được họ với cái tên “nhóm nghiên cứu và quan sát”. Người của SOG không đeo phù hiệu công khai ở quân phục, nhưng trong các khu doanh trại phù hiệu đó được gắn vào những cốc bia, ly uống nước, gạt tàn thuốc lá v.v... Tổng hành dinh của SOG ở tại Sài Gòn, số lượng có khoảng 90 người làm kế hoạch tác chiến cho các phân đội của họ ở Nam Việt Nam. Tại Nha Trang SOG có một phân đội không quân, tại Đà Nẵng có một bộ phận hải quân, điều khiển đội thuyền P.T, riêng của SOG. Ở một nơi khác gọi là Gấu Mèo -

gần huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, đơn vị không quân và bộ binh được đóng tại các nơi, chuẩn bị để xâm nhập vào Bắc Việt Nam. Có từ 350 đến 500 người trong các đơn vị hành quân của SOG, đó là lực lượng của Mỹ. Một nhóm khác gồm 400 đến 500 người Việt Nam thuộc các đơn vị “chuyên viên kỹ thuật” được bí mật điều khiển hành quân vượt biên sang Lào và Campuchia trước khi phối hợp với SOG để hoạt động ở Bắc Việt.

Một vài nhiệm vụ của SOG không đưa ra công khai là có liên quan với những vụ tập kích 34 Alpha vào những căn cứ ngoài bờ biển Bắc Việt, do người Nam Việt Nam được Mỹ huấn luyện, mà một vài sử gia cho rằng: “Những vụ tập kích đó, có thể đã làm bùng nổ sự kiện vịnh Bắc Bộ hồi tháng 8-1964”.

Đối với Blackburn đây là một việc làm lý tưởng của một chức vụ đại tá để điều khiển một binh chủng hỗn hợp hải, lục, không quân quốc tế hoạt động bí mật mà chỉ riêng một nhóm người được biết và báo cáo thẳng với tướng bốn sao Westmoreland, chỉ huy trưởng quân sự Hoa Kỳ ở Việt Nam. Blackburn vừa muốn để Simons là một trong những phụ tá nhưng cũng muốn để cho Westmoreland chấp nhận Simons đến Việt Nam trong cuộc tập kích. Điều đó không phải dễ gì vì chính sách cứng rắn của Westmoreland. Theo nguyên tắc, những sỹ quan muốn được chỉ định vào Tổng hành dinh thì phải tốt nghiệp ở một trường tham mưu nào đó. Simons có hiệu lực của một chỉ huy tác chiến, một lãnh đạo có tài, một sỹ quan trù bị, nhưng chưa được xếp vào tiêu chuẩn và khả năng phong lên cấp tướng, cho dù Simons là một biệt động quân chiến đấu giàu kinh nghiệm, có cơ sở là lực lượng đặc biệt làm nền tảng, có hiểu biết tường tận về Đông Nam Á và Bắc Việt Nam. Hơn nữa ông ta đã chỉ huy đơn vị Sao trắng trong hai chuyến đi Lào. Vì lý do đó mà Lầu Năm Góc phải áp dụng thủ tục đặc biệt, ngoại lệ đối với chính sách của Westmoreland, trước khi Simons được gia nhập vào SOG.

Blackburn đảm nhiệm chỉ huy SOG vào tháng 5-1965, đây là thời điểm nguy ngập của cuộc chiến. Các cố vấn Mỹ và những hoạt động chiến đấu được coi như là bị hạn chế ở Việt Nam. Nhưng các đơn vị của Blackburn nhảy xuống Lào và Bắc Việt Nam. Ông ta nhớ lại những ngày du kích chiến và khuyên các toán của ông ta đừng liều lĩnh mạng sống một cách vô ích.

Các đơn vị của ông ta đã không mất một người nào trong khi tham gia 45 lần hành quân đột đầu vượt biên giới do SOG vạch ra. Ông ta cho các toán xâm nhập bằng trục thăng vận, sau khi hoàng hôn xuống hoặc trước lúc rạng đông để tránh người Bắc Việt hoặc Việt Cộng có thể phát hiện được. Blackburn thường nói với các toán rằng: “Sau khi đổ xuống, hãy chạy ngay vào các rừng cây bụi rậm và chờ sẵn, để cho họ lục tìm. Khi các anh thấy họ, các anh sẽ phục kích lại họ”.

Những kinh nghiệm như vậy mà các toán lực lượng đặc biệt của SOG vẫn bị hoang mang sợ hãi khi phải đi vào những vùng nguy hiểm. Blackburn rất lo lắng khi người của ông ta bị bắt, mà những người cộng sản,

như ông ta đã biết thường lợi dụng để tuyên truyền trên thế giới, nếu họ có thể chứng minh được quân chiến đấu của Mỹ đang hoạt động bên ngoài biên giới Nam Việt Nam.

Trong khoảng thời gian mà Blackburn chỉ huy SOG từ tháng 5-1965 đến 5-1968 lực lượng quân Mỹ ở Đông Nam Á đã tăng lên từ 22.000 cố vấn đến trên 8 sư đoàn cho nên Westmoreland và Lầu Năm Góc phải tập trung vào việc xây dựng một lực lượng khổng lồ, với một cơ sở hậu cần rộng lớn, cần thiết yểm trợ. Những hoạt động không chính thức của SOG không có gì nổi bật, vì lý do bí mật và ít khi thấy việc làm của nó nằm trong kế hoạch chiến lược toàn diện trong cuộc chiến tranh ở Việt Nam.

Tuy vậy những hoạt động của SOG gây được ảnh hưởng sâu sắc cho người Bắc Việt Nam. Trong một cuộc hành quân, những chuyên viên của SOG đã làm cho nghề đánh cá của Bắc Việt ngừng trệ trong sáu tháng. Những thuyền của SOG đã bắt được nhiều người đánh cá của Bắc Việt trong vùng từ Vinh đến khu phi quân sự. Những cuộc bắt bớ đã được thực hiện trong nhiều tuần. Gần

1.000 người đánh cá đã bị bắt đưa về đảo Phượng Hoàng gần Đà Nẵng, một trong những căn cứ bí mật nhất của SOG. Những người Bắc Việt thường dùng thuyền đánh cá để chở vũ khí vào tiếp tế cho miền Nam, nên SOG phải đánh chìm thuyền đó. Blackburn tin tưởng mạnh mẽ vào hiệu quả của những hoạt động không chính thống như vậy. Nó không thiệt hại bao nhiêu, nhưng lại làm hao mòn tâm lý địch, làm nản chí binh lính đối phương, đánh lạc hướng sự chăm chú của họ. Sau chuyến công tác ở Việt Nam trở về Washington ông ta khuyên Lầu Năm Góc cần đẩy mạnh hoạt động chiến tranh tâm lý.

Vào tháng 5-1970, chiến cuộc đã vượt quá đỉnh cao trong sự nhúng tay vào của người Mỹ. Năm 1969 đã có 115.482 người Mỹ phải rời Đông Nam Á, có 11.527 người Mỹ chết trong năm đó và có 3.279 người chết trong năm 1970. Ngoài ra có hàng trăm người Mỹ vẫn nằm trong nhà tù.

Tính đến ngày 20-5-1970 thì trung úy hải quân Everett Alvarez đã sống 2.120 ngày trong nhà giam của Bắc Việt. Thiếu tá Floyd Thompson, một sỹ quan của lực lượng đặc biệt thuộc đơn vị cũ của Mayer, cũng đã bị cầm tù trong 2.250 ngày. Blackburn cảm thấy sốt ruột và cần phải làm gì để cho Bắc Việt đàm phán nghiêm túc về vấn đề trả tự do cho tù binh Mỹ. Sự xâm lược

Campuchia là một hoạt động quân sự thông thường cũng đã bị thất bại. Giờ đây Blackburn đang tính mưu kế làm một việc gì đó, để quấy động đối với Bắc Việt. Điều mà ông ta đã có sẵn trong đầu óc, là một chuỗi hoạt động không tuyên bố, không quảng cáo, không chính thống do những lực lượng bé nhỏ thực hiện. Như việc phá vỡ đập thủy điện Thác Bà trên sông Hồng cách Hà Nội 65 cây số về phía tây bắc v.v...

Có lúc Blackburn muốn gây ra sự phá hoại điều đúng ngay trong nội địa Hà Nội, cũng giống như Việt cộng đã gây ra ở miền Nam. Cuộc phá hoại đập Thác Bà có thể làm được, và đây cũng là cuộc tập dượt, hơn nữa những việc này lực lượng đặc biệt được huấn luyện để phá hủy những ổ khóa của kênh đào Panama, mặt khác việc phá đập Thác Bà có thể trở thành món hàng mặc cả của thượng cấp. Việc này còn hiệu nghiệm hơn là cuộc “xung phong bằng kỵ binh” vừa rồi vào Campuchia.

Tập kích Sơn Tây có thể làm cho Tổng thống chú ý nếu không còn câu hỏi như: “Lạy chúa tôi! Phải có bao nhiêu tiểu đoàn để làm việc đó!”. Chỉ cần các nhà lãnh đạo có thể để cho ông ta vào miền Bắc một cách đặc biệt như vậy chỉ một lần thôi...

PHÒNG “TANK”

Blackburn và Mayer lấy ngày 1-6 là thời gian cuối cùng để quyết định giải pháp. Ba giờ chiều ngày hôm đó, họ cùng với John W. Vogt và trung tướng Donald Bennett giám đốc DIA xem lại nhiều giải pháp giải thoát. Trong bản thuyết trình của Blackburn có đồ biểu, các bản đồ. Và cuộc thảo luận đó kéo dài khoảng 45 phút. Họ đưa ra nhiều nguyên tắc cho một cuộc chiến, mà họ gọi là “vùng bí hiểm”. Danh hiệu này tình cờ được lấy ra ở một máy tính của Lầu Năm Góc, đó là một trong ba danh từ ám hiệu mà cuộc hành quân phải có khi cuộc tập kích được tung ra.

Một tuần sau, diễn biến của nhóm 1127 về những ảnh chụp trại tù binh Sơn Tây được các chuyên gia kỹ thuật phân tích xem xét, được cơ quan DIA thừa nhận. Những tài liệu đó được chuyển đến một ngôi nhà ít ai biết đến ở ngoại thành Washington, cách nhà quốc hội Capitol một quãng.

Ngôi nhà đó gọi là “tòa nhà 213” một danh hiệu mới và chỉ được xuất hiện hai hoặc ba lần trong quyển niên giám điện thoại Bộ Quốc phòng. Đó là Trung tâm nghiên cứu giải thích ảnh chụp quốc gia, một bộ phận của Văn phòng trinh sát quốc gia, một cơ quan hết sức mật, ai không có trách nhiệm mà nói đến có thể bị vào nhà tù quân sự Liên bang tại đồn điền Leavenworth, bang Kansas.

Cũng như các dãy nhà khác của Lầu Năm Góc, Trung tâm này thuộc Ban Giám đốc cơ quan “thu thập và kiểm soát” của DIA tại trạm Arlington Hall của Lầu Năm Góc, nơi mà các nhà phân tích của Bennett đang xem xét lại một cách kỹ lưỡng những ảnh mới chụp của những máy bay trinh sát điện tử SR-71 từ độ cao trên các vùng thôn quê phía tây Hà Nội. Họ cần những xác nhận là không chút nghi ngờ rằng có một trại tù binh ở Sơn Tây và một trại ở gần đấy mà họ gọi là Ấp Lò.

Những tin tình báo đó thu thập được ở hai nguồn tin khác nhau. Một là của tướng Nguyễn Cao Kỳ phó tổng thống Việt Nam cộng hòa, quê ở thị xã Sơn Tây, ông ta vẫn có bà con thân quyến ở đó cho biết. Và nguồn tin của một người thầu khoán tên là Trịnh người miền Bắc vào Nam Việt Nam, đã có thời kỳ phục

vụ tại nhà tù Sơn Tây, đang định cư ở Sài Gòn. ông này vẫn thỉnh thoảng cho biết một tin vụn vặt ở miền Bắc. Những tin tức đó được tổng hợp lại và biết chắc chắn có khoảng 50 người Mỹ bị giam giữ ở Sơn Tây, cũng có thể gần 100 người. Điều này chứng tỏ việc mở rộng khu trại với những vùng đất mới đào lên xung quanh là đúng.

Duyệt lại những khả năng giải thoát tù binh với các tướng Vogt và Bennett tại Lầu Năm Góc, Blackburn và Mayer không tán thành kế hoạch đầu tiên là cho một điệp viên vào vùng phía đông

núi Ba Vì, để từ đó gọi lực lượng đặc biệt đến bốc tù binh đi. Làm như vậy cuộc hành quân dễ thất bại, dù cho có thành công thì hy vọng giải thoát tất cả các tù binh cũng sẽ tiêu tan. Cả hai trại đều nằm trong khu vực hẻo lánh, là những mục tiêu đầy hứa hẹn cho một cuộc giải thoát tù binh lớn hơn, quy mô hơn. Mọi giải pháp được đưa ra là dùng một cuộc tập kích nhỏ đơn giản vào trại tù Sơn Tây mà nơi xuất phát từ những địa điểm của CIA ở biên giới Lào, cách Sơn Tây khoảng 155 dặm. Địa điểm này khá gần với mục tiêu, trực thăng có thể bay đi bay về mà không phải tiếp dầu trên không. Thời gian đó gió mùa đông bắc đã xuất hiện ở Bắc Việt, thời tiết không thuận tiện cho việc lấy thêm dầu trên đường bay, có thể bố trí cho hai hoặc ba trực thăng nằm chờ gần đâu đấy trên đất Lào, trong khi lực lượng tập kích đã lên đường. Những trực thăng này chỉ hoạt động khi tù binh được cứu, hoặc đi tìm và giải cứu cho các trực thăng khác bị bắn rơi, hay bắt buộc phải hạ cánh trong nội địa Bắc Việt. Khu trại Sơn Tây vừa đủ rộng để cho một trực thăng tiến công nhỏ đáp xuống bên trong, việc đó giúp được phần nào cho lực lượng đặc biệt xông thẳng vào các buồng giam trước khi người Bắc Việt kịp phản ứng.

Một kế hoạch khác là có thể được xuất phát từ Thái Lan, nhưng nó sẽ gây ra một cuộc hành quân lớn và rắc rối hơn. Việc tiếp tế nhiên liệu trên đường bay là cần thiết, thời gian của cuộc hành quân phải tùy thuộc nhiều vào dự báo thời tiết chính xác. Các nhà khí tượng học đã cho họ biết, thời tiết tốt sẽ không đến trước tháng 10 và cuộc tập kích có thể thực hiện về ban đêm.

Blackburn nghĩ đến thời tiết là yếu tố then chốt và các dữ liệu về khí tượng đã được phân tích nên việc phối hợp thời tiết với việc bay trong đêm có ánh trăng là điều đáng lưu ý. Thời tiết không chắc chắn trong mùa gió này phần nào làm cho Blackburn giảm sự cố gắng, và việc xúc tiến công việc.

Có nhiều bất lợi để thực hiện vụ tập kích từ một căn cứ gần trên đất Lào, Blackburn đã nghĩ đến và rất coi trọng hệ thống tình báo đối phương, vì công tác tình báo Bắc Việt khá hiệu nghiệm, thường biết trước được các cuộc oanh tạc của B.52, xuất phát từ Guam ở cách xa Bắc Việt 2.400 dặm. Vì vậy người Bắc Việt cũng có thể biết được các trực thăng túc trực ở biên giới phía Bắc Lào một cách không khó khăn gì. Blackburn đã rút ra một kết luận: “Khi mà hoạt động đối phó với một hệ thống tình báo phức tạp, thì đừng tránh né mập mờ mà phải chắc chắn...”. Blackburn đã đưa ra một phương án là có thể đánh lạc

hướng sự chú ý của Bắc Việt ở Sơn Tây bằng cách nhờ hải quân đánh phá Hải Phòng. Có như vậy thì mới hy vọng rằng cuộc tập kích đạt trên 90% an toàn. Vogt và Bennett tán thành những nhận xét của Blackburn và hứa hẹn sẽ trình bày ý kiến này lên tham mưu trưởng hỗn hợp.

Kế hoạch của Blackburn chia làm hai giai đoạn. Giai đoạn đầu tập hợp một nhóm nghiên cứu những việc có thể thực hiện được, gồm 25 người sẵn sàng nhận lệnh để báo cáo với tham mưu trưởng hỗn hợp, thời gian vào khoảng 15 tháng 7 năm 1970.

Giai đoạn hai kế hoạch cuộc tập kích được chi tiết hóa tiếp theo là sự tập luyện và thi hành.

Vogt nghĩ rằng 25 người cho một nhóm là quá nhiều nên chỉ cần để một nửa, nhưng Vogt muốn xúc tiến nhanh các phần kế hoạch phải xong trước ngày 30 tháng 6 năm 1970.

Trưa hôm sau, ngày 2-6, Blackburn và Mayer được đến thuyết trình cho tướng Wheeler nghe và ông ta tỏ ra nhiệt tình ủng hộ. Wheeler nói: “Không ai có thể nói không đối với cuộc hành quân này”. Và ông ta muốn biết xem người kế vị ông là đô đốc Moorer có ủng hộ kế hoạch này hay không? Blackburn cho Wheeler biết là đã thuyết trình cho Moorer trước đây, tuy chưa được chi tiết lắm. Giờ đây Wheeler thấy đã đến lúc cho các tham mưu trưởng hỗn hợp và Bộ trưởng Quốc phòng biết cuộc giải thoát tù binh rộng lớn đã được nghiên cứu. Ông ta đòi hỏi phải được thuyết trình cụ thể cho các tham mưu trưởng hỗn hợp, trước khi Wheeler nhân danh chủ tịch tham mưu trưởng hỗn hợp viếng thăm khối NATO lần chót.

Thứ sáu ngày 5 tháng 6, vào khoảng một giờ chiều tại phòng họp vàng gọi là “TANK”, Blackburn và Mayer được gọi vào để thuyết trình với các tham mưu trưởng hỗn hợp. Blackburn để cho Mayer thuyết trình còn ông ta ngồi quan sát thái độ, trông từng vẻ mặt của các vị sỹ quan cấp tướng có mặt ở đấy. Đến khi buổi thuyết trình kết thúc, không có một ai trong số này hỏi thêm một câu hỏi nào. Các vị tướng đều đồng ý rằng SACSA nên xúc tiến việc nghiên cứu sâu sắc, để thực hiện cho được kế hoạch giải thoát các tù binh từ trại Sơn Tây và Ấp Lò trở về.

Theo đà tiến triển, sau cuộc họp họ còn thuyết trình cho phụ tá tham mưu trưởng hỗn hợp đặc trách về những cuộc hành quân. Mỗi một vị phụ tá của tham mưu trưởng hỗn hợp có riêng một sư đoàn đặc biệt, từ đó mà SACSA có quyền được rút tuyển bất cứ nhân viên nào, thiết bị gì, và chi các ngân khoản mà họ cần để thiết lập tổ chức cuộc tập kích. Hôm sau, Blackburn và Mayer còn phải đến Tổng hành dinh của CIA ở bang Virginia, gặp phụ tá đặc biệt của giám đốc về Đông Nam Á là George Carver và phụ tá của ông này là Richard Elliott, về các vấn đề tù binh. SACSA và văn phòng của Carver làm việc chung gần như hàng ngày. Elliott, Blackburn đã phục vụ trong nhóm hoạt động đặc biệt SOG và với Mayer trong IPWIC.

Blackburn đã đề nghị với Carver cho một người của CIA thường xuyên nghiên cứu kế hoạch tập kích cộng tác với ông ta. George Carver tán thành ủng hộ việc nghiên cứu kế hoạch đó. Kế hoạch của Blackburn và Mayer được cấp “giấy phép đi sẵn”, có nghĩa đã được sự đồng ý của Lầu Năm Góc về sự hợp tác và cung cấp những phương tiện mà họ cần dùng để thực hiện kế hoạch giải thoát tù binh. Nhưng từ khi đề xuất, nghiên cứu và thuyết trình đến khi được đồng ý, họ đã mất khá nhiều thì giờ.

Còn tiếp

